ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TRÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 153 /QĐ-UBND	*Sơn Trà, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Hà, xã Sơn Trà
(*Thuộc TDA1 – DA 3, nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024)*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chinh phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chinh phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BCT ngày 01/7/2017 của Bộ Tài chính qui định về chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-CP ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-CP ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ quyết định 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền mặt để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành định mức kĩ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc xác nhận kết quả bầu người đại diện cộng đồng (Nhóm cộng đồng thôn Hà) để thực hiện Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản thuộc Tiểu Dự án 1 - Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc phê duyệt danh sách Nhóm cộng đồng thôn Hà tham gia Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản thuộc Tiểu Dự án 1 - Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu Dự án 1 - Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 240172.1/CNQN.Viettin JSC ngày 25/6/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín chi nhánh Quảng Ngãi;

Căn cứ Báo cáo số 111/BC-TTĐ ngày 08/8/2024 của Tổ thẩm định dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững về kết quả thẩm định dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Hà, xã Sơn Trà;

Xét đề nghị của công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Hà, xã Sơn Trà (*Thuộc TDA1 – DA 3, nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024)*, với các nội dung sau:

I. Mục tiêu Dự án:

- Góp phần giải quyết việc làm tạo thu nhập cho 11 hộ dân trên địa bàn Thôn Hà. Sau khi kết thúc dự án, các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thu nhập ổn định và phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững.

- Nâng cao nhận thức, dần dần thay đổi tập quán chăn nuôi của người dân, phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, tăng số lượng tổng đàn trên địa bàn.

III. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Dự án chăn nuôi Bò cái nội sinh sản.

2. Địa điểm thực hiện: Thôn Hà, xã Sơn Trà.

3.Thời gian thực hiện: 24 tháng**,** thời gian bắt đầu tháng 8/2024; kết thúc tháng 8/2026.

4. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án:

4.1. Đơn vị quản lý (Chủ đầu tư): Ủy ban nhân dân xã Sơn Trà.

4.2. Đơn vị thực hiện: Nhóm cộng đồng Thôn Hà, được UBND xã Sơn Trà xác nhận tại Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 21/6/2024. Nhóm trưởng ông Hồ Văn Kim.

5. Đối tượng và số hộ tham gia dự án: Tổng số hộ tham gia dự án 11 hộ (07 hộ nghèo, 04 cận nghèo), đối tượng đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 19/4/2023 của Chính phủ.

(cụ thể có danh sách kèm theo)

6. Quy mô thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 33 con Bò cái nội, 220 kg giống cỏ VA06 cho 11 hộ tham gia dự án.

7. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp bằng con giống và giống cỏ cho các hộ tham gia dự án.

8. Phương án mua sắm và đầu mối mua sắm con giống, giống cỏ nguồn từ ngân sách nhà nước: UBND xã Sơn Trà tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của luật đấu thầu (*trường hợp 2, khoản 2, điều 3, Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính*) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết.

9. Tổng kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí:

9.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng)*, trong đó:

a. Vốn ngân sách: 575.00.000 đồng, chiếm tỷ lệ 91,27%/tổng kinh phí dự án.

b. Đối ứng của hộ tham gia dự án (bằng hiện vật quy ra tiền): 55.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 8,73%/tổng kinh phí dự án.

(có dự toán chi tiết kèm theo)

9.2. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024.

IV. Các hoạt động chính của dự án:

1. Tập huấn theo nhu cầu cho các hộ tham gia dự án: số lần tập huấn: 1 lần, số người tham gia 11 người. Nội dung và định mức chi theo Quy định tại Thông tư 40/TT-BTC và Nghị quyết 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

2. Hỗ trợ giống, vật tư, nguyên vật liệu.

a. Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

+ Bò cái giống: Số lượng 33 con Bò cái nội, tiêu chuẩn con giống phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh, Trọng lượng con giống hỗ trợ $\geq$ 160 kg/con, bò khỏe mạnh, không dị tật, dị hình, có nguồn gốc, xuất xứ rỏ ràng, được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, đủ tiêu chuẩn làm giống.

+ Giống cỏ VA 06: Số lượng hỗ trợ 200 kg/hộ, cỏ phải đảm bảo tiêu chuẩn không bị dập nát, có lá bẹ khô theo thân, đủ tiêu chuẩn làm giống.

b. Phần đối ứng của hộ tham gia dự án: UBND xã Sơn Trà, nhóm trưởng nhóm cộng đồng, cán bộ phụ trách theo dõi dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng chuồng trại đảm bảo đúng theo quy định trước khi cấp con giống.

3. Hỗ trợ cán bộ theo dõi, hướng dẫn thực hiện dự án: Định mức chi tại điểm a, khoản 3, điều 12, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

4. Chi phí xây dựng và quản lý dự án: Nội dung và định mức chi thực hiện theo khoản 13, điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

V. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ trong cộng đồng.

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ % quay vòng vốn: Là 5%/tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức kinh phí thu hồi: 28.750.000 đồng/11 hộ, cụ thể số tiền của từng hộ được thể hiện trong danh sách kèm theo.

- Thời gian thu hồi (nộp tiền quay vòng): Sau khi kết thúc dự án 01 tháng.

- Cách thức quản lý tiền luân chuyển: UBND xã mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước để sử dụng quay vòng theo quy định, nhóm trưởng có trách

nhiệm thu và nộp vào tài khoản tiền gửi của UBND xã. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trình tự luân chuyển, quay vòng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

V. Dự kiến hiệu quả kinh tế, kết quả đầu ra và tác động của dự án.

1. Hiệu quả kinh tế: Sau 24 tháng thực hiện dự án, mỗi con bò mẹ sẽ sinh ra 01 con nghé và mang thai lứa thứ 2 hoặc có con đẻ lứa 2. Như vậy mỗi hộ nhận hỗ trợ ban đầu 3 con bò, sau 24 tháng nuôi có ít nhất từ 6 con bò góp phần tăng tổng đàn bò trên địa bàn huyện và tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp các hộ thoát nghèo một cách bền vững.

2. Dự kiến kết quả đầu ra của sản phẩm trong dự án: Sản phẩm đầu ra của dự án là bê nội hoặc bê lai hướng sinh sản và bê thịt sẽ bán trực tiếp cho thương lái trong và ngoài huyện.

IV. Trách nhiệm của nhóm cộng đồng tham gia dự án.

1. Đối với nhóm trưởng, cộng đồng dân cư thực hiện dự án:

- Cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án khi được phê duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

- Có trách nhiệm thu hồi tiền quay vòng của hộ tham gia dự án, quản lý tổ chức thực hiện việc quay vòng, để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý thì báo cáo UBND xã biết để cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án.

2. Đối với hộ gia đình tham gia dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án, trong đó cam kết nộp số tiền quay vòng theo dự án đã được phê duyệt để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.

- Xây dựng chuồng trại trước khi nhận giống, đảm bảo diện tích cỏ trồng tối thiểu là 500 m^2 và chăm sóc nuôi dưỡng con giống theo hướng dẫn kỹ thuật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao công chức Tài chính – Kế toán phối hợp với công chức Văn phòng – Thống kê, Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường xã tham mưu Chủ tịch UBND xã ký hợp đồng với người đại diện cộng đồng để triển khai thực hiện Dự án có hiệu quả; tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định của Luật đấu thầu; quản lý số tiền quay vòng của cộng đồng dân cư theo quy định và mở sổ theo dõi theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển, thực hiện công khai tài chính đối với việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

2. Giao công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường: Tổ chức kiểm tra chuồng trại, diện tích trồng cỏ của các hộ dân tham gia dự án trước khi cấp con giống.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính – Kế toán, Địa chính NN-XD&MT, các ban, ngành có liên quan và nhóm cộng đồng thôn Hà, xã Sơn Trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Tổ thẩm định huyện;
- Phòng LĐTB&XH huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Mặt trận TQVN xã;
- Các Hội đoàn thể xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như điều 4;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Bài

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TRÀ
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 22/08/2024 15:32:04

Phụ lục 1

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN 5A, XÃ SƠN TRÀ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch UBND xã Sơn Trà)

ĐTV:

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Huyện	Đối ứng của người dân
I	**Hỗ trợ chi tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu**	**Đồng**			**1.500.000**	**1.300.000**	**130.000**	**70.000**	
II	**Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu…**				**610.940.000**	**483.445.000**	**48.344.500**	**24.150.500**	**55.000.000**
1	Bò cái vàng giống địa phương; (Trọng lượng ≥ 160kg/con*103.000 đồng/kg)	Con	33	16.480.000	543.840.000	472.923.000	47.292.300	23.624.700	
2	Hỗ trợ trồng cỏ voi VA06 (200kg/hộ*11 hộ)	Kg	2.200	5.500	12.100.000	10.522.000	1.052.200	525.800	
3	Xây dựng chuồng trại chăn nuôi (diện tích tối thiểu 3m2/con)	Hộ	11	5.000.000	55.000.000				55.000.000
III	**Chi phí hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án**	**Ngày**	**15**	**100.000**	**1.500.000**	**1.300.000**	**130.000**	**70.000**	
IV	**Chi phí Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất**	**Đồng**	**1**	**16.060.000**	**16.060.000**	**13.955.000**	**1.395.500**	**709.500**	
Tổng cộng					**630.000.000**	**500.000.000**	**50.000.000**	**25.000.000**	**55.000.000**

Tổng kinh phí thực hiện dự án:	*630.000.000*	*đồng*		
Ngân sách hỗ trợ:	*575.000.000*	*đồng*	*Tỷ lệ:%*	*91,27*
Hộ tham gia dự án đối ứng:	*55.000.000*	*đồng*	*Tỷ lệ:%*	*8,73*

: Đồng

Kinh phí quay vòng (5%)
28.750.000

DANH SÁCH NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN HÀ, XÃ SƠN TRÀ
THAM GIA DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch UBND xã Sơn Trà)

TT	Họ tên người đại diện gia đình tham gia dự án	Năm sinh	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện	Mã hộ nghèo, cận nghèo	Số lượng và nội dung hỗ trợ				
						Bò cái giống (con)	Thành tiền	Cỏ (kg)	Thành tiền	Tổng cộng
1	Hồ Văn Dé	1970	Tổ 1, thôn Hà	Cận nghèo	8	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
2	Hồ Văn Kim	1965	Tổ 1, thôn Hà	Cận nghèo	13	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
3	Hồ Văn Hùng	1982	Tổ 2, thôn Hà	Hộ nghèo	19	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
4	Hồ Lý Kiệt	1987	Tổ 6, thôn Hà	Hộ nghèo	58	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
5	Hồ Ngọc Thái	1982	Tổ 3, thôn Hà	Hộ nghèo	27	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
6	Hồ Văn Thới	1979	Tổ 3, thôn Hà	Hộ nghèo	26	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
7	Hồ Văn Liêm	1988	Tổ 4, thôn Hà	Cận nghèo	35	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
8	Hồ Văn Dé	1995	Tổ 6, thôn Hà	Hộ nghèo	66	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
9	Đinh Văn Hải	1971	Tổ 6, thôn Hà	Cận nghèo	48	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
10	Hồ Văn Nghiêm	1989	Tổ 5, thôn Hà	Hộ nghèo	49	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
11	Hồ Văn Đức	1993	Tổ 5, thôn Hà	Hộ nghèo	51	3	49.440.000	200	1.100.000	50.540.000
Tổng cộng						**33**	**543.840.000**	**2.200**	**12.100.000**	**555.940.000**

Phụ lục 02

Kinh phí nộp quay vòng/hộ
2.613.640
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
2.613.636
28.750.000